

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC PHỔ
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/ 2018/HNGĐ-ST
Ngày: 07-11- 2018.
V/v “ Ly hôn; tranh chấp về chia
tài sản khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC PHỔ, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Sang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Bùi Thị Cẩm, Nơi công tác: Cán bộ hưu trí
2. Ông Huỳnh Chí Thắng, Nơi công tác: Hội chất độc Da cam huyện Đức Phổ

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Văn Dương- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Phổ

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Phổ tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Cường- Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Phổ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý 107/2018/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2018 về ly hôn; tranh chấp về chia tài sản khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74 /2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Võ Tấn T, sinh năm 1982;
 2. *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Minh P, sinh năm 1982;
- Cùng địa chỉ: thôn L, xã P, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi.
Tại phiên tòa các đương sự đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 09/7/2018, bản tự khai ngày 18/7/2018, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn anh Võ Tấn T trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị Minh P kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 06/4/2006. Thời gian vợ chồng chung sống phát sinh nhiều mâu

thuần. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống và không có con chung, thường xuyên cãi vã dẫn đến xô xát nhau. Năm 2017, anh có nộp đơn ly hôn chị P, sau khi Tòa án hòa giải động viên chị P hứa thay đổi, nên anh rút đơn khởi kiện để vợ chồng về đoàn tụ chung sống, nhưng chị P không thay đổi, làm cho mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không có hướng khắc phục. Anh nhận thấy không còn tình cảm với chị P nên anh yêu cầu được ly hôn chị Nguyễn Thị Minh P.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

Về tài sản chung: Vợ chồng có 01 căn nhà cấp III B + mái hiên được xây dựng trên diện tích đất do cha mẹ anh là ông Võ S và bà Lê Thị L tặng cho riêng cho anh tại thửa đất số 1339, tờ bản đồ số 36 có diện tích 94,5m²; 01 máy tiện, 01 máy hàn, bộ đồ nghề sửa xe máy, 01 xe máy Chaly biển số 76HE - 2759; 01 bộ bàn ghế salong gỗ, 01 tủ lạnh hiệu Sanyo; 01 xe máy Sirius có biển số 76F1-5331 do anh đứng tên chủ sở hữu; 01 xe máy Sirius có biển số 76H1-289.86 do chị P đứng tên chủ sở hữu; 01 bồn nước inox 1.000 lít; anh thống nhất giá trị các tài sản đã định giá như Hội đồng định giá đã định giá vào ngày 25/9/2018.

Khi ly hôn anh yêu cầu được nhận các tài sản bằng hiện vật gồm: Căn nhà cấp III B +mái hiên, 01 máy tiện, 01 máy hàn, bộ đồ nghề sửa chữa xe máy, 01 bộ bàn ghế salong gỗ, 01 tủ lạnh hiệu Sanyo, 01 bồn nước inox 1.000 lít và 01 xe máy Sirius biển số 76H1-5331 và anh thối lại giá trị chênh lệch cho chị Phượng; 01 xe máy Sirius có biển số 76H1-289.86, anh thống nhất giao cho chị P quản lý, sử dụng, chị P thối lại giá trị chênh lệch. Anh không yêu cầu Tòa án chia chiếc xe máy Chaly biển số 76HE – 2759 và 01 máy giặt hiệu Sanyo.

Ngoài ra, vợ chồng còn có 32 chỉ vàng 24k nhưng anh không có tài liệu chứng cứ chứng minh về số vàng là bao nhiêu; chị P có đưa cho anh 01 chỉ vàng để bán trả nợ, số vàng còn lại chị P đang quản lý, khi ly hôn anh yêu cầu chị P phải trả lại cho anh ½ số vàng là 15 chỉ vàng 05 phân; việc chị P khai vàng chung là 22 chỉ 24k, anh không thống nhất và việc P khai bán một số vàng anh không biết.

Về nợ chung: Không có.

Tại bản tự khai ngày 06/8/2018, đơn yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng ngày 06/8/2018, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn chị Nguyễn Thị Minh P trình bày: Chị và anh Võ Tấn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phổ Thạnh, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 06/4/ 2006. Thời gian vợ chồng chung sống có phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống và không có con chung, nên thường xuyên cãi vã với nhau, sống không hạnh phúc. Nay, anh T cương quyết ly hôn thì chị đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

Về tài sản chung : Vợ chồng có 01 căn nhà cấp III B +mái hiên xây dựng tại thửa đất số 1339, tờ bản đồ số 36; 01 máy tiện, 01 máy hàn, bộ đồ nghề sửa xe, 01 xe máy Chaly biển số 76HE- 2759 ; 01 bộ bàn ghế salong gỗ, 01 tủ lạnh hiệu Sanyo; 01 xe máy Sirius có biển số 76F1-

5331; 01 xe máy Sirius có biển số 76H1-289.86; một bồn nước inox 1.000 lít. Chi thống nhất giá trị các tài sản Hội đồng định giá đã định giá tại buổi định giá tài sản vào ngày 25/9/2018.

Chi đồng ý giao anh T nhận các tài sản gồm: Căn nhà III B + mái hiên được xây dựng trên tại thửa đất số 1339, tờ bản đồ số 36 có diện tích 94,5m², 01 máy tiện, 01 máy hàn, bộ đồ nghề sửa xe máy, bộ bàn ghế salong gỗ, 01 tủ lạnh hiệu Sanyo, 01 bồn nước inox 1.000 lít và 01 xe máy Sirius biển số 76H1-5331 và anh T thối giá trị chênh lệch cho chị. Về 01 xe máy Chaly, 01 máy giặt hiệu Sanyo chị không yêu cầu phân chia, anh T quản lý, sử dụng máy giặt hiệu Sanyo, chị quản lý, sử dụng xe máy Chaly; 01 chiếc xe máy Sirius có biển số 76H1-289.86 chị đồng ý nhận, chị thối lại giá trị chênh lệch cho anh T. Đối với thửa đất số 1339, tờ bản đồ số 36 có diện tích 94,5m² chị không yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia.

Ngoài ra, vợ chồng có 22 chỉ vàng 24k, chị đã bán 01 cây vàng để chi tiêu trong gia đình, đau ốm chữa trị khi 8 lần chị bị sảy thai và chị đã đưa cho anh T 01 chỉ nên còn 11 chỉ vàng, chi thống nhất thối lại cho anh T 5 chỉ 05 phân vàng. Việc bán vàng anh Tính biết và đồng ý cho chị bán để chi tiêu trong gia đình.

Về chi phí tố tụng xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản chị đã tạm ứng số tiền 6.100.000 đồng, chị yêu cầu anh T phải trả lại cho chị ½ số tiền là 3.050.000 đồng.

Về nợ chung: Không có.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên theo quy định tại Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa tuân theo đúng pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về hướng giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Võ Tấn Tính, cho anh T được ly hôn chị Nguyễn Thị Minh P.

Về tài sản chung: Về nhà, công trình kiến trúc có trên đất và các vật dụng trong gia đình; đề nghị giao theo sự thỏa thuận của các đương sự. Anh T phải thối lại cho chị P số tiền chênh lệch là 90.556.000 đồng

Về vàng chung: Anh, chị có 22 chỉ vàng 24k, chị P đã bán chi tiêu trong gia đình, chữa bệnh và chị P đưa cho anh T 01 chỉ, hiện còn 11 chỉ vàng 24k; việc các bên đương sự thừa nhận chị P nhiều lần sảy thai nên chị có bán vàng chi tiêu và chữa bệnh là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận số vàng chung còn lại 11 chỉ 24k; anh T; chị P mỗi người được chia 5 chỉ 05 phân vàng 24K. Đề nghị Hội đồng xét xử giao cho chị P tiếp tục quản lý 11 chỉ vàng 24k. Các tài sản khác như 01 xe máy Chaly, 01 máy giặt hiệu Sanyo và thửa đất số 1339, tờ bản đồ số 36 có diện tích 94,5m², các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia, nên đề nghị miễn xét.

Về chi phí tố tụng chị P đã tạm ứng số tiền 6.100.000 đồng, đề nghị Hội đồng xét xử buộc anh T phải trả lại cho chị P số tiền 3.050.000 đồng.

Về án phí: Anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Anh T, chị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về chia tài sản chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Võ Tấn T có đơn khởi kiện ly hôn; tranh chấp về chia tài sản khi ly hôn với chị Nguyễn Thị Minh P cư trú ở thôn L, xã P, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn là anh Võ Tấn T và bị đơn là chị Nguyễn Thị Minh P tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phổ Thạnh vào ngày 06/4/2006. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa anh, chị là hợp pháp. Quá trình chung sống nguyên đơn và bị đơn phát sinh mâu thuẫn, có cãi vã với nhau. Nguyên đơn, bị đơn đều thừa nhận mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống và do vợ chồng không có con chung nên dẫn đến cuộc sống vợ chồng sống không hạnh phúc. Nay, nguyên đơn yêu cầu ly hôn, bị đơn cũng đồng ý ly hôn. Điều đó chứng tỏ, mâu thuẫn giữa nguyên đơn và bị đơn là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2015 ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa nguyên đơn và bị đơn.

[3] Về con chung: Không có con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Xét yêu cầu của nguyên đơn, bị đơn, Hội đồng xét xử nhận định: Các đương sự thống nhất giao cho nguyên đơn nhận các tài sản chung gồm: Căn nhà cấp III B có diện tích xây dựng 63,78m² +mái hiên có diện tích 27,56m² tại thửa đất số 1339, tờ bản đồ số 36 xã Phổ Thạnh, 01 máy tiện, 01 máy hàn, bộ đồ nghề sửa xe máy, 01 bộ bàn ghế salong gỗ, 01 tủ lạnh hiệu Sanyo, 01 bồn nước inox 1.000 lít và 01 xe máy Sirius biển số 76H1-5331 và anh T thối giá trị chênh lệch cho chị P; chị P được quản lý, sử dụng 01 chiếc xe máy Sirius có biển số 76H1-289.86, chị P thối lại giá trị chênh lệch cho anh T. Xét thấy sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, Hội đồng xét xử chấp nhận. Hội đồng xét xử giao cho anh T quản lý, sử dụng và sở hữu tài sản gồm: Căn nhà cấp III B diện tích xây dựng 63,78m² có kết cấu móng bê tông cốt thép, nền lát gạch Ceramic 60 x60, khung bê tông cốt thép, sàn bê tông cốt thép, cửa nhôm kính, bể xí tự hoại, tường áp gạch men sứ+ sơn nước; mái hiên diện tích 27,56m² có kết cấu: cột thép bê tông, xà gồ gỗ, mái lợp tole proximãng tại thửa đất số 1339, tờ bản đồ số 36 xã Phổ Thạnh; 01 máy tiện, 01 máy hàn, bộ đồ nghề sửa xe máy, 01 bộ bàn ghế salong gỗ, 01

tủ lạnh hiệu Sanyo, 01 bồn nước inox 1.000 lít và 01 xe máy Sirius biển số 76H1-5331; giao cho chị P quản lý, sử dụng 01 xe máy Sirius có biển số 76H1-289.86. Anh T phải thối lại cho chị P giá trị chênh lệch của tài sản chung.

Xét yêu cầu chia tài sản chung của nguyên đơn và bị đơn đối với số vàng chung, Hội đồng xét xử nhận thấy: Các đương sự không thống nhất về số lượng vàng chung, anh T thì cho rằng vàng chung là 32 chỉ vàng 24k, chị P có đưa cho anh 01 chỉ vàng để bán trả nợ tiền hàng, số vàng còn lại chị P đang quản lý, nhưng anh T không có tài liệu, chứng cứ chứng minh cho số lượng vàng anh T khai; chị P thì cho rằng vàng chung là 22 chỉ vàng 24k, chị đã bán 01 cây vàng để chi tiêu trong gia đình, chữa trị bệnh khi 8 lần chị bị sảy thai và chị đã đưa cho anh T 01 chỉ, việc bán vàng anh T biết. Anh T thừa nhận chị P thường xuyên đau ốm và bị sảy thai nhiều lần phải điều trị trong thời gian dài. Vì vậy, việc chị P khai đã bán 01 cây vàng để chi tiêu và chữa bệnh là có căn cứ. Hội đồng xét xử xác định số chung còn lại 11 chỉ vàng 24k, hiện chị P đang quản lý, chia cho anh T, chị P mỗi người được sở hữu 5 chỉ 05 phân vàng 24k, giao cho chị P tiếp tục quản lý, sử dụng 11 chỉ vàng 24k.

[5] Theo kết quả định giá tài sản của Hội đồng định giá do Tòa án thành lập ngày 25/9/2018 thì Căn nhà cấp III B và mái hiên có tổng giá trị là 215.371.960 đồng, 01 máy tiện có giá trị 4.500.000 đồng, 01 máy hàn có giá trị 2.100.000 đồng, bộ đồ nghề sửa xe máy có giá trị 4.000.000 đồng, bộ bàn ghế salon gỗ có giá trị 5.100.000 đồng, 01 tủ lạnh hiệu Sanyo có giá trị 400.000 đồng, 01 bồn nước inox 1.000 lít có giá trị 2.500.000 đồng và 01 xe máy Sirius biển số 76H1-5331 có giá trị 1.520.000 đồng, 01 xe máy Sirius có biển số 76H1-289.86 có giá trị 16.650.000 đồng. Tổng giá trị 11 chỉ vàng 24k là: 11 chỉ x 3.430.000 đồng/chỉ (vàng tại thời điểm ngày 07/11/2018) = 37.730.000 đồng. Giá trị vàng mỗi người được chia là 18.865.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản anh T được nhận giá trị là: 235.491.960 đồng; Tổng giá trị tài sản chị P được nhận là: 54.380.000 đồng. Anh T, chị P mỗi người được chia $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản chung là 144.935.980 đồng.

Anh T phải có nghĩa vụ thối lại cho chị P số tiền là 90.555.980 đồng (làm tròn 90.556.000 đồng)

[6] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc và định giá tài sản, chị P đã tạm ứng số tiền là 6.100.000 đồng đã tất toán xong; chị P yêu cầu anh T phải chịu $\frac{1}{2}$ số tiền là 3.050.000 đồng. Xét yêu cầu của chị P là có căn cứ nên được chấp nhận buộc anh T phải thanh toán cho chị P số tiền là 3.050.000 đồng.

[7] Buộc anh T phải thanh toán lại cho chị P tổng số tiền là 93.606.000 đồng (*Chín mươi ba triệu sáu trăm lẻ sáu nghìn đồng*).

[8] Đối với 01 chiếc xe Chaly biển số 76HE – 2759, 01 máy giặt hiệu Sanyo và thửa đất số 1339, tờ bản đồ số 36 diện tích 94,5m². Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia,

nên Hội đồng xét xử không xét.

[9] Về nợ chung: Không có

[10] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn; nguyên đơn, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về chia tài sản chung.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 01 Điều 28, Điều 235, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 33, 51, 56 và Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa anh Võ Tấn T và chị Nguyễn Thị Minh P.

2. Về tài sản chung: Giao cho anh T quản lý, sử dụng và sở hữu tài sản tài sản gồm: Căn nhà cấp III B, diện tích xây dựng 63,78m² có kết cấu móng bê tông cốt thép, nền lát gạch Ceramic 60 x60, khung bê tông cốt thép, sàn bê tông cốt thép, cửa nhôm kính, bể xí tự hoại, tường áp gạch men sứ + sơn nước; mái hiên diện tích 27,56m² có kết cấu cột thép bê tông, xà gồ gỗ, mái lợp tole proximãng tại thửa đất số 1339, tờ bản đồ số 36 xã Phổ Thạnh; 01 máy tiện, 01 máy hàn, bộ đồ nghề sửa xe máy, 01 bộ bàn ghế salong gỗ, 01 tủ lạnh hiệu Sanyo, 01 bồn nước inox 1.000 lít và 01 xe máy Sirius biển số 76H1-5331.

Giao cho chị P được quản lý, sử dụng và sở hữu 01 chiếc xe máy Sirius có biển số 76H1-289.86 và 11 chỉ vàng 24k.

Anh T phải có nghĩa vụ thanh toán lại cho chị P số tiền là 93.606.000đồng (*Chín mươi ba triệu sáu trăm lẻ sáu nghìn đồng*).

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu bên phải thi hành án chậm thực hiện số tiền có nghĩa vụ phải trả thì bên phải thi hành án phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Anh Võ Tấn T phải chịu 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn và 7.247.000 đồng án phí về chia tài sản chung. Tổng cộng là: 7.547.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) tại biên lai thu số: AA/2016/0001500 ngày 18/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi. Anh T còn phải nộp tiếp số tiền 7.247.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm

Chị Nguyễn Thị Minh P phải chịu 7.247.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về chia tài sản chung, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 4.400.000 đồng tại biên lai thu số: AA/2016/0001544 ngày 30/8/2018 của Chi cục Thi

hành án dân sự huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi. Chị P còn phải nộp tiếp số tiền 2.847.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm

4. Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (07/11/2018).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện;
- TAND tỉnh;
- THDS huyện;
- UBND phường Phổ Thạnh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Thanh Sang